

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ KHẢO THÍ

**BÁO CÁO KHẢO SÁT
NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
NGÀNH PHỤC HỒI CHỨC NĂNG-
KHOA ĐIỀU DƯỠNG
-KỸ THUẬT Y HỌC NĂM 2025**

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP	1
1.1. Bối cảnh và Mục tiêu khảo sát	1
1.2. Đối tượng và Cỡ mẫu	1
1.3. Công cụ và Phương pháp phân tích	1
PHẦN II: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (N=13)	2
2.1 Tiêu chí liên quan kiến thức khoa học xã hội	4
2.2 Tiêu chí về Kỹ năng ngoại ngữ và tin học (Năng lực hỗ trợ và phát triển)	4
2.3 Tiêu chí về Kiến thức khoa học cơ bản – cơ sở và chuyên ngành trong thực hành và lý luận lâm sàng	5
3. Khảo sát định tính	8
3.1 Mức độ HÀi lòng chung và Cam kết tuyển dụng	8
3.2. Các ý kiến phản hồi liên quan đến các CĐR.....	9
4. Kết luận và khuyến nghị	9
4.1. Kết luận chính	9
4.1 Khuyến nghị chiến lược	10

PHẦN I: GIỚI THIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

1.1. Bối cảnh và Mục tiêu khảo sát

Căn cứ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chuẩn chương trình đào tạo, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch định kỳ thực hiện các hoạt động khảo sát các bên liên quan nhằm thu thập thông tin phản hồi phục vụ công tác cải tiến và nâng cao chất lượng.

Cuộc khảo sát này được thiết kế với các mục đích cụ thể sau:

- Thu thập thông tin phản hồi khách quan từ các Nhà sử dụng lao động (NSDLĐ) về mức độ đáp ứng của Cử nhân ngành Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng (VLTL/PHCN) tốt nghiệp từ Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học (KTYH) của Trường.
- Xác định các điểm mạnh cốt lõi và các điểm yếu, lỗ hổng kỹ năng cần cải thiện trong chương trình đào tạo.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu và bằng chứng thực tiễn phục vụ công tác đảm bảo chất lượng, cải tiến chương trình đào tạo và công tác tự đánh giá, kiểm định.

1.2. Đối tượng và Cỡ mẫu

- Đối tượng khảo sát: các NSDLĐ, bao gồm các lãnh đạo đơn vị, trưởng/phó khoa phòng, quản lý trực tiếp tại các cơ sở y tế (bệnh viện, viện nghiên cứu, trường đại học) có tuyển dụng và sử dụng Cử nhân VLTL/PHCN tốt nghiệp từ Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch trong vòng 5 năm gần đây.
- Thời gian thực hiện: Khảo sát được thực hiện bằng phiếu trực tuyến, thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11 năm 2025.
- Cỡ mẫu phân tích: Tổng số phiếu khảo sát thu về là $n = 14$. Sau quá trình làm sạch dữ liệu, 01 phiếu khảo sát được xác định là dữ liệu thử nghiệm (ID) đã bị loại bỏ. Cỡ mẫu hợp lệ cuối cùng được đưa vào phân tích là $n = 13$.

1.3. Công cụ và Phương pháp phân tích

- Công cụ khảo sát: Công cụ thu thập dữ liệu là phiếu khảo sát trực tuyến được thiết kế gồm 5 phần chính:

Phần I: Thông tin chung của NSDLĐ (tên đơn vị, địa chỉ, hình thức tuyển dụng, số lượng, vị trí bố trí).

Phần II: Đánh giá 17 CĐR chi tiết về mức độ đáp ứng của Cử nhân PHCN. Thang đo Likert được sử dụng để đánh giá các CĐR này có 5 điểm:

1 = Hoàn toàn hài lòng

2 = Hài lòng

3 = Phân vân

4 = Không hài lòng

5 = Rất không hài lòng

Phần III: Đánh giá mức độ đáp ứng Chuẩn đầu ra (CĐR)

Phần IV: Đánh giá chung (2 câu hỏi) về mức độ hài lòng và sự sẵn sàng tiếp tục tuyển dụng.

Phần V: Ý kiến đóng góp định tính (câu hỏi mở về điểm mạnh, điểm yếu, và góp ý cải tiến).

PHẦN II: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THỐNG KÊ MÔ TẢ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (N=13)

1. Đặc điểm nghiên cứu (Bảng 1)

- Các đơn vị tham gia khảo sát chủ yếu là các bệnh viện lớn, tuyến cuối và các cơ sở đào tạo/nghiên cứu chuyên ngành tại TP. Hồ Chí Minh (BV Nhi Đồng 1, Đại học Y Dược TP.HCM, Viện Y Dược học dân tộc, Bệnh viện Nhân dân Gia Định, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Ung Bướu, Viện Tim TP.HCM, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới, Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình). Có 1 đơn vị ở địa bàn khác thành phố Hồ Chí Minh (Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng). Điều này cho thấy các phản hồi đại diện cho nhóm NSDLĐ có yêu cầu cao về chuyên môn thực hành.

- Phương thức tuyển dụng: Hơn 60% đơn vị được lựa chọn "Thông qua các phương tiện truyền thông" như website, mạng xã hội và hơn 38% thông qua "Thi tuyển/Xét tuyển sau thời gian thực tập" (5/13 đơn vị). Các hình thức như "Có người quen giới thiệu" và "Sơ Y tế phân công" chiếm 31% (4/13) và 23% (3/13).

Bảng 1: Đặc điểm Nhà sử dụng lao động (n=13)

Đặc điểm	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Địa bàn chính		
TP.HCM	11	84,6
Đà Nẵng	1	7,7
Khác	1	7,7
Số lượng SV đã tuyển dụng (5 năm)		
Dưới 5 người	7	53,8
Từ 5 đến 10 người	5	38,5
Trên 10 người	1	7,7
Vị trí bố trí (Chọn nhiều)		
Kỹ thuật viên	9	69,2
Quản lý cấp bộ phận/đơn vị	3	23,1
Tập sự/thử việc	2	15,4
Khác (Bác sĩ điều trị, ĐDV, ĐD chuyên ngành)	3	23,1
Hình thức tuyển dụng (Chọn nhiều)		
Thông qua phương tiện truyền thông	8	61,5
Thi tuyển/Xét tuyển	5	38,5
Có người quen giới thiệu	4	30,8
Sở Y tế phân công	3	23,1
Trường/Khoa liên hệ	1	7,7
Khác (Hội chợ việc làm, Cử đi học)	2	15,4

2. Đánh giá 17 CDR chi tiết về mức độ đáp ứng của Cử nhân PHCN (Bảng 2)

2.1 Tiêu chí liên quan kiến thức khoa học xã hội

Hơn 90% NSDLĐ hài lòng và rất hài lòng về sự vận dụng kiến thức khoa học xã hội trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Sự vận dụng kiến thức triết học Mác-Lenin, Kinh tế Chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử đảng, và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động hàng ngày của người tốt nghiệp đáp ứng khung yêu cầu đào tạo của khung giáo dục quốc gia.

Bảng 2. Chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức khoa học xã hội

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
CDR 1. Vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng/Nhà Nước	4 (30)	8 (61)	1 (7,7)	0 (0,0)
CDR 2. Chủ động cập nhật chính sách mới	3 (23,1)	8 (61,5)	2 (15,4)	0 (0,0)

2.2 Tiêu chí về Kỹ năng ngoại ngữ và tin học (Năng lực bổ trợ và phát triển)

Đối với 2 kỹ năng chìa khóa để giúp người học khả năng học tập liên tục, và tương đương B1 khung trình độ Châu Âu theo khung đào tạo quốc gia thì có gần 80% (76.9%) hoàn toàn hài lòng và hài lòng với kỹ năng ngoại ngữ trong giao tiếp, và 84.6% hài lòng với ngoại ngữ chuyên ngành. Điều này cho thấy đã có sự quan tâm về kiến thức ngoại ngữ liên quan chuyên ngành Phục hồi chức năng trong chương trình đào tạo và người học. Vượt trội hơn nữa là khả năng về công nghệ thông tin, sẽ không có gì ngạc nhiên khi tuổi trẻ thời đại 4.0 được đánh giá cao về khả năng sử dụng thành thạo CNTT (93%).

Bảng 3. Chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức ngoại ngữ và tin học (Năng lực bổ trợ và phát triển)

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
CDR 3. Sử dụng ngoại ngữ (B1) trong giao tiếp	2 (15,4)	8 (61,5)	3 (23,1)	0 (0,0)
CDR 4. Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh)	2 (15,4)	9 (69,2)	2 (15,4)	0 (0,0)
CDR 5. Sử dụng thành thạo CNTT cơ bản	2 (15,4)	10 (76,9)	1 (7,7)	0 (0,0)

2.3 Tiêu chí về Kiến thức khoa học cơ bản – cơ sở và chuyên ngành trong thực hành và lý luận lâm sàng

Ngoài kiến thức về khoa học xã hội, thì kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành, và chuyên ngành phục hồi chức năng là điều kiện then chốt để người học có thể áp dụng trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của người dân.

Khi đánh giá về chuẩn đầu ra 6, 7, 9, 10, 11 là các tiêu chí để đánh giá các kỹ năng liên quan sự vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, và chuyên ngành để thực hiện một quy trình đầy đủ gồm khám, lượng giá, lập kế hoạch can thiệp, và thực hiện kỹ thuật can thiệp, cũng như hướng dẫn tư vấn phòng ngừa biến chứng có thể xảy ra cho người bệnh, gia đình và cộng đồng, thì gần như trùng khớp với nhau trong các chuẩn đầu ra này (84.6%). Riêng chuẩn đầu ra số 9 là năng lực thực hiện khám, lượng giá và thu thập thông tin chiếm 92.3%, năng lực này được đánh giá cao nhất trong kỹ thuật thực hiện. Các con số này cho thấy người học đã được trang bị và tích hợp kiến thức vào thực tế lâm sàng. Tuy nhiên, khi bàn về mức độ không hài lòng của các chuẩn đầu ra 6, 7, 9, 10 thì không có chuẩn đầu ra nào có sự đánh giá là không hài lòng, ngoại trừ chuẩn đầu ra 11 liên quan đến năng lực hướng dẫn tư vấn cho người bệnh và gia đình thì có 15.4% người tham gia không hài lòng, tỷ lệ này chiếm chỉ 1/6 số người tham gia, nhưng đây cũng là lời nhắc nhở cần phải quan tâm để nâng cao năng lực hướng dẫn, tư vấn cho người bệnh và gia đình phòng ngừa những

biến chứng có thể xảy ra trong quá trình can thiệp và quá trình sống.

Bảng 4. Chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, và chuyên ngành trong thực hành và lý luận lâm sàng

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
CĐR 6. Vận dụng kiến thức KHCB và y học cơ sở	1 (7,7)	10 (76,9)	2 (15,4)	0 (0,0)
CĐR 7. Vận dụng kiến thức chuyên ngành VLTL/PHCN	4 (30,8)	7 (53,8)	2 (15,4)	0 (0,0)
CĐR 9. Thực hiện khám, lượng giá, thu thập thông tin	4 (30,8)	8 (61,5)	1 (7,7)	0 (0,0)
CĐR 10. Lập kế hoạch và thực hiện can thiệp	2 (15,4)	9 (69,2)	2 (15,4)	0 (0,0)
CĐR 11. Hướng dẫn, tư vấn cho người bệnh và gia đình	3 (23,1)	8 (61,5)	0 (0,0)	2 (15,4)

2.4 Thái độ tự chủ, đạo đức nghề nghiệp, và chịu trách nhiệm

Nội dung của giáo dục không chỉ là kiến thức, là kỹ năng chuyên ngành mà còn là thái độ, cư xử đúng mực, tôn trọng đồng nghiệp, bệnh nhân, thân nhân người bệnh, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, biết phân biệt sai trái, biết tôn trọng lẽ phải, sự trung thực, kỹ năng quản lý công việc, thời gian, và đặc biệt là sự tuân thủ pháp luật, nội quy nơi làm việc, đạo đức nghề nghiệp, được mô tả trong chuẩn đầu ra 12, 13, 14, 16, và 17.

84.6% người tham gia hài lòng hoàn toàn và hài lòng với kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân, và đồng nghiệp (CĐR 12), trong khi đó có hơn 92% người tham gia hài lòng hoàn toàn và hài lòng về kỹ năng quản lý ghi chép, bảo mật hồ sơ bệnh án (CĐR 13), kỹ năng quản lý công việc và thời gian của người học (CĐR 14).

Với CĐR 16, có 100% người tham gia hoàn toàn hài lòng và hài lòng với năng lực tuân thủ nội quy, đạo đức nghề nghiệp, và 100% hoàn toàn đồng ý với tinh thần phục vụ,

thái độ tôn trọng người bệnh, khách hàng, và đồng nghiệp (CDR 17).

Bảng 5. Chuẩn đầu ra liên quan Thái độ tự chủ, đạo đức nghề nghiệp, và chịu trách nhiệm

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
CDR 12. Giao tiếp hiệu quả với NB, gia đình, đồng nghiệp	4 (30,8)	7 (53,8)	1 (7,7)	1 (7,7)
CDR 13. Quản lý, ghi chép, bảo mật hồ sơ bệnh án	4 (30,8)	8 (61,5)	0 (0,0)	1 (7,7)
CDR 14. Kỹ năng quản lý công việc, thời gian	3 (23,1)	9 (69,2)	0 (0,0)	1 (7,7)
CDR 16. Tuân thủ pháp luật, nội quy, đạo đức nghề nghiệp	8 (61,5)	5 (38,5)	0 (0,0)	0 (0,0)
CDR 17. Thể hiện tinh thần phục vụ, thái độ tôn trọng người bệnh, khách hàng và đồng nghiệp	6 (46,2)	7 (53,8)	0 (0,0)	0 (0,0)

2.5 Năng lực nghiên cứu khoa học – học tập suốt đời

Có 82% người tham gia hoàn toàn hài lòng và hài lòng với năng lực trụ cột trong giáo dục thời đại 4.0 là năng lực nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào khoa học chứng cứ, nâng cao năng lực tự học suốt đời. Tuy nhiên có gần 25% và 8% số người tham gia còn phân vân về năng lực tổng hợp kiến thức, kinh nghiệm tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng y học chứng cứ cũng như tự học suốt đời.

Bảng 6. Chuẩn đầu ra liên quan kỹ năng nghiên cứu khoa học – học tập suốt đời

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
CDR 8. Tổng hợp kiến thức, kinh nghiệm tham gia NCKH	3 (23,1%)	7 (53,8)	3 (23,1)	(0,0)
CDR 15. Áp dụng y học chứng cứ, tự học suốt đời	3 (23,1)	7 (53,8)	1 (7,7)	2 (15,4)

3. Khảo sát định tính

3.1 Mức độ Hài lòng chung và Cam kết tuyển dụng

92.3% người tham gia hài lòng về năng lực đạt được của cử nhân VLTL/PHCN và gần 8% còn phân vân về năng lực chung của cử nhân VLTL/PHCN. Tuy nhiên 100% người tham gia đồng ý sẵn sàng tuyển dụng nhân lực VLTL/PHCN của trường đại học y khoa phạm ngọc thạch (Bảng 7).

Bảng 7: Đánh giá chung của NSDLĐ và Mức độ sẵn sàng tuyển dụng (n=13)

Đặc điểm	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)
Hài lòng về chất lượng Cử nhân VLTL/PHCN		
Hoàn toàn hài lòng	6	46,2
Hài lòng	6	46,1
Phân vân	1	7,7
Sẵn sàng tiếp tục tuyển dụng hoặc giới thiệu Cử nhân VLTL/PHCN		
	7	53,9
	6	46,1

3.2. Các ý kiến phản hồi liên quan đến các CĐR

Đối với chuẩn đầu ra liên quan đến thái độ tự chủ và giao tiếp thì đa số các ý kiến của người sử dụng lao động đều cho rằng những người tốt nghiệp từ chương trình phục hồi chức năng thể hiện sự lễ phép, năng động và có tinh thần cầu thị (BV. PHCN); Tuân thủ nội quy, quy định." (BV CCĐRH), năng động (BV Nhi đồng 1), tự tin (Nhi đồng 1) chấp hành tốt kỷ luật, chủ động và nghiêm túc (Viện Y Dược học dân tộc). Tuy nhiên, vẫn còn sự rụt rè, chưa tự tin khi giao tiếp với người bệnh (ĐH KTYD Đà Nẵng, BV. ND Gia định)

Đối với chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức cơ sở, chuyên ngành để thực hiện công việc chuyên môn, thì đa số người sử dụng lao động cho rằng những người tốt nghiệp có kiến thức cơ bản và kỹ năng đáp ứng được cơ bản nhu cầu công việc (ĐH Y Dược TPHCM); Nắm vững kiến thức, thực hành (BV Gia An 115; BV. PHCN); Vững kiến thức chuyên môn, vận dụng thực hành tốt (Viện Tim); Có kiến thức chuyên môn và thực hiện tốt kỹ thuật" (BV Bệnh Nhiệt đới).

Đối với năng lực nghiên cứu khoa học, tự cập nhật y học chứng cứ và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ thì cần phải rèn luyện thêm (ĐHYD, BV YHDT).

Ngoài ra có ý kiến cho rằng những người tốt nghiệp nên rèn luyện kỹ năng khám và lượng giá bệnh nhân một cách thuần thực, kể cả những kỹ thuật nâng cao, để sau khi ra trường bệnh viện không cần phải đào tạo thêm (BV. NDGD, BV. Ung Bướu). Có rất nhiều ý kiến đề nghị tăng thêm thời gian thực hành tại bệnh viện, và khuyến khích sinh viên tự cập nhật, tự đọc thêm sách tham khảo (BV CCĐRH; BV Gia An 115).

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận chính

80 – 92% các Chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo Cử nhân VLTL/PHCN của Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch được đánh giá từ mức độ là hoàn toàn hài lòng đến hài lòng. Chương trình đào tạo bảo đảm các yêu cầu kiến thức, kỹ năng, thái độ tự chủ và chịu trách nhiệm theo yêu cầu của khung trình độ quốc gia của bộ giáo dục đào tạo và người sử dụng lao động. Tuy nhiên, bên cạnh những năng lực nổi bật về sự tuân thủ pháp luật, nội quy, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần phục vụ, thái độ tôn trọng người bệnh, khách hàng và đồng nghiệp đạt mức độ hài lòng là 100%, thì có 15.4% ý kiến đóng góp về sự tự tin khi

giao tiếp với người bệnh, năng lực nghiên cứu khoa học – thực hành dựa vào bằng chứng (15.4), và cuối cùng là thực hành nâng cao.

4.1 Khuyến nghị chiến lược

Các khuyến nghị này được xây dựng trực tiếp từ các góp ý của NSDLĐ.

Khuyến nghị 1: Tăng cường thời lượng và chiều sâu của thực hành lâm sàng.

Đây là góp ý được lặp lại nhiều nhất và rõ ràng nhất từ NSDLĐ (BV Nhi Đồng 1, BV Chấn thương Chỉnh hình, BV Gia An 115).

- *Hành động đề xuất:* Rà soát lại tổng thời lượng thực hành trong toàn chương trình. Nếu được thì tăng thời lượng thực hành. Bổ sung thêm các tín chỉ nâng cao trong chương trình đào tạo, giảng viên được tạo điều kiện và thời gian để đi học các kỹ thuật nâng cao và kỹ thuật mới, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp cận và ứng dụng với kỹ thuật nâng cao ngay từ trên ghế nhà trường.

Khuyến nghị 2: Rèn luyện kỹ năng hướng dẫn, giải thích cho bệnh nhân

- Cơ sở: 15,4 % người sử dụng lao động "Không hài lòng" ở kỹ năng tư vấn, giao tiếp với NB (CĐR 11) và sự không tự tin khi giao tiếp với bệnh nhân (CĐR 12).

- *Hành động đề xuất:* Bộ môn sẽ chú trọng nâng cao khả năng giao tiếp với người bệnh trong khi thực hành bằng cách tăng thời gian thực tập giao tiếp với người bệnh và rubric chấm điểm sẽ chấm phần giao tiếp riêng.

Khuyến nghị 3: Xây dựng lộ trình phát triển năng lực nghiên cứu và tự học.

- Cơ sở: 15,4% người tham gia khảo sát góp ý nên nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, Áp dụng y học chứng cứ, tự học suốt đời (Bệnh viện YHCT) và khả năng tổng hợp kiến thức tham gia nghiên cứu khoa học (CĐR 8) (ĐH Y Dược và Viện Y Dược học dân tộc).

- *Hành động đề xuất:* Sắp xếp để sinh viên được tiếp cận môn học nghiên cứu khoa học và thực hành dựa trên Y học chứng cứ ngay từ những năm đầu của chương trình đào tạo, bổ sung phòng lab hiện đại, và có nhiều mô hình, trang thiết bị mới, và hiện đại sử dụng trong nghiên cứu PHCN để sinh viên có thể tham gia nghiên cứu khoa học liên quan PHCN theo khuynh hướng hiện đại của thế giới. Ngoài ra, người tham gia khảo sát cũng đóng góp ý kiến thêm về các hoạt động của CLB học thuật, NCKH và khuyến khích sinh

viên đọc sách, tự học (BV Chấn thương Chỉnh hình).

Khuyến nghị 4: Tăng cường thực tập giao tiếp bằng ngôn ngữ Anh

- Cơ sở: 23.1% người tham gia có thái độ "Phân vân" ở CĐR 3 và ý kiến đóng góp của Viện Y Dược học dân tộc về việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp.

- Hành động đề xuất: Dành thời gian, mỗi tuần một ngày, chỉ sử dụng ngôn ngữ Anh trong khi giao tiếp với bạn bè, thầy cô hướng dẫn trong bộ môn. Ngoài ra trong thực hành, sẽ có điểm khuyến khích cho những trường hợp trình bệnh, hỏi bệnh bằng ngôn ngữ Anh.

- Tích hợp việc đọc và tóm tắt các tài liệu y khoa bằng tiếng Anh vào các môn học chuyên ngành để cải thiện đồng thời khả năng nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời. Ngoài ra, cần bổ sung sách nước ngoài có cập nhật vào thư viện của trường ./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

(Đã ký)

Hoàng Thị Diễm Phương

Nguyễn Dũng Tuấn

PHỤC LỤC
BẢNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT CDR CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHCN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
Vận dụng kiến thức khoa học xã hội				
CDR 1. Vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng/Nhà Nước	4 (30)	8 (61)	1 (7,7)	0 (0,0)
CDR 2. Chủ động cập nhật chính sách mới	3 (23,1)	8 (61,5)	2 (15,4)	0 (0,0)
Kỹ năng ngoại ngữ và tin học (Năng lực bổ trợ và phát triển)				
CDR 3. Sử dụng ngoại ngữ (B1) trong giao tiếp	2 (15,4)	8 (61,5)	3 (23,1)	0 (0,0)
CDR 4. Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh)	2 (15,4)	9 (69,2)	2 (15,4)	0 (0,0)
CDR 5. Sử dụng thành thạo CNTT cơ bản	2 (15,4)	10 (76,9)	1 (7,7)	0 (0,0)
Kiến thức cơ bản – cơ sở và chuyên ngành trong thực hành và lý luận lâm sàng				
CDR 6. Vận dụng kiến thức KHCB và y học cơ sở	1 (7,7)	10 (76,9)	1 (15,4)	1 (0,0)
CDR 7. Vận dụng kiến thức chuyên ngành VLTL/PHCN	4 (30,8)	7 (53,8)	2 (15,4)	1 (0,0)
CDR 9. Thực hiện khám, lượng giá, thu thập thông tin	4 (30,8)	8 (61,5)	1 (7,7)	1 (0,0)
CDR 10. Lập kế hoạch và thực hiện can thiệp	2 (15,4)	9 (69,2)	2 (15,4)	2 (0,0)
CDR 11. Hướng dẫn, tư vấn cho	3 (23,1)	8 (61,5)	0 (0,0)	2 (15,4)

Nhóm Năng lực / Tiêu chí	Hoàn toàn Hài lòng n (%)	Hài lòng n (%)	Phân vân n (%)	Không Hài lòng n (%)
người bệnh và gia đình				
Thái độ tự chủ, đạo đức nghề nghiệp, và chịu trách nhiệm				
CDR 12. Giao tiếp hiệu quả với NB, gia đình, đồng nghiệp	4 (30,8)	7 (53,8)	1 (7,7)	1 (7,7)
CDR 13. Quản lý, ghi chép, bảo mật hồ sơ bệnh án	4 (30,8)	8 (61,5)	0 (0,0)	1 (7,7)
CDR 14. Kỹ năng quản lý công việc, thời gian	3 (23,1)	9 (69,2)	0 (0,0)	1 (7,7)
CDR 16. Tuân thủ pháp luật, nội quy, đạo đức nghề nghiệp	8 (61,5)	5 (38,5)	0 (0,0)	0 (0,0)
CDR 17. Thể hiện tinh thần phục vụ, thái độ tôn trọng người bệnh, khách hàng và đồng nghiệp	6 (46,2)	7 (53,8)	0 (0,0)	0 (0,0)
Kỹ năng nghiên cứu khoa học – học tập suốt đời				
CDR 8. Tổng hợp kiến thức, kinh nghiệm tham gia NCKH	3 (23,1%)	7 (53,8)	3 (23,1)	(0,0)
CDR 15. Áp dụng y học chứng cứ, tự học suốt đời	3 (23,1)	7 (53,8)	1 (7,7)	2 (15,4)